

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2024/DS - ST
Ngày: 16/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán và vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Thanh Liêm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Chiểu

Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Ngoãn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long tham gia phiên tòa:
Bà Lý Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị C, sinh năm 1990; địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Dương Phúc N, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Bà Mã Thị L; địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu

(Ông Dương Phúc Nguyên đã xin xét xử vắng mặt; bà Mã Thị L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị C, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Dương Phúc N trình bày:

Nguyên vào ngày 27/03/2011, thì bà Mã Thị L có vay của bà C với số tiền là 20.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất theo quy định của pháp luật. Mục đích bà L vay là để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, việc nhận tiền là do chính

tay bà L là người nhận. Và hai bên thỏa thuận khi nào bà C cần thì bà C sẽ thông báo cho bà L trước 01 tháng để trả lại số tiền trên cho bà C. Việc vay tiền có ghi trong sổ nợ vay ngày 27/03/2015.

Đến năm 2016, bà C có bán thức ăn gia súc (thức ăn gà, heo) cho bà L. Việc mua bán giữa bà C và bà L không có lập hợp đồng mua bán, mà chỉ có sổ theo dõi mua bán hàng. Và giữa hai bên có thỏa thuận thống nhất với nhau về mức lãi suất chậm trả tính theo quy định của pháp luật. Đến ngày 06/08/2017, sau khi chốt sổ nợ thì bà L đã thừa nhận còn nợ lại bà C với tổng số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi là 2.060.000 đồng (Hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)

Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu bà L có trách nhiệm trả số tiền nợ vay và tiền mua bán còn thiếu là 22.060.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật đối với số tiền trên. Đến ngày 11/6/2024, bà C có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, với nội dung rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền vay gốc 8.000.000 đồng, bà C còn yêu cầu giải quyết các vấn đề sau đây:

- Yêu cầu bà Mã Thị L có trách nhiệm phải trả cho bà C số tiền vay 12.000.000 đồng và tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi là 2.060.000 đồng. Tổng cộng là: 14.060.000 đồng (Mười bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

- Yêu cầu bà Mã Thị L có trách nhiệm trả cho bà C tiền lãi suất chậm trả kể từ ngày 27/03/2015 cho đến thời điểm khởi kiện là ngày 13/09/2023, do bà tạm tính là 8 năm 05 tháng 17 ngày x 0,83%/tháng x 12.000.000 đồng = 10.116.040 đồng. Tổng tiền gốc và lãi mà bà Mã Thị L phải trả cho bà C là: 12.000.000 đồng (tiền gốc) + 10.116.040 đồng (tiền lãi) = 22.116.040 đồng

- Bà C yêu cầu bà Mã Thị L có trách nhiệm trả cho bà C tiền lãi suất chậm trả kể từ ngày 06/08/2017 cho đến thời điểm khởi kiện là ngày 13/09/2023, do bà C tạm tính là 06 năm 01 tháng 7 ngày x 0,83%/tháng x 2.060.000 đồng = 1.252.144 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi hai nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng). Tổng tiền gốc và lãi mà bà Mã Thị L phải trả cho bà C là: 2.060.000 đồng (tiền gốc) + 1.252.144 đồng (tiền lãi) = 3.312.144 đồng (Ba triệu ba trăm mười hai nghìn một trăm bốn mươi bốn đồng).

Vậy tổng tiền gốc và lãi mà bà Mã Thị L phải trả cho bà C là: 25.428.148 đồng. Ngoài ra, bà C yêu cầu Tòa án buộc bà Mã Thị L phải trả lãi cho bà C đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn bà Mã Thị L đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo kết quả

phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Thông báo về việc thu thập tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà L vẫn không có mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C. Buộc Mã Thị L có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ vay và tiền nợ thức ăn là 14.060.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 16/8/2024 là 12.679.260 đồng.

Đình chỉ xét xử yêu cầu bà C đối với số tiền nợ vay 8.000.000 đồng

Án phí: bà Mã Thị L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu bà Mã Thị L trả số tiền nợ vay và nợ tiền thức ăn chăn nuôi hai bên nên đây là quan hệ dân sự về việc tranh chấp hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Mã Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Dương Phúc N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng; bị đơn bà Mã Thị L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh N, bà L là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị C về việc yêu cầu bà Mã Thị L trả số tiền mua thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 2.060.000 đồng và tiền vay số tiền 20.000.000 đồng thấy rằng:

[3.1] Bà C có đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 11/6/2024, với nội dung rút lại một phần yêu cầu khởi kiện số tiền vay 8.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà C là hoàn toàn tự nguyện,

không ai ép buộc nên căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 217 BLTTDS đình chỉ xem xét giải quyết đối với số tiền vay 8.000.000 đồng.

[3.2] Bà Trần Thị T xác định giữa bà với bà Mã Thị L có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn chăn nuôi vào khoảng năm 2016 và cho vay mượn tiền vào năm 2011. Đến ngày 06/08/2017, sau khi chốt sổ nợ thì bà L đã thừa nhận còn nợ lại bà tiền mua bán thức ăn chăn nuôi là 2.060.000 đồng (Hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng), và số tiền vay ngày 27/03/2015 gốc 12.000.000 đồng (Mười Hai triệu đồng).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn có cung cấp 01 tờ biên bản thỏa thuận đề ngày 27/3/2015 giữa hai bên lập biên bản thỏa thuận về số tiền vay; 02 tờ giấy ghi theo dõi giao thức ăn chăn nuôi và số tiền còn thiếu. Đối với bà Mã Thị L quá trình tố tụng tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng để thông báo cho bà Mã Thị L biết về việc bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu bà trả khoản tiền nêu trên (bà Mã Thị L là người trực tiếp nhận). Tuy nhiên bà L không có ý kiến gì phản hồi việc bà C yêu cầu trả nợ. Đồng thời, tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 29/01/2024 bà L thừa nhận còn nợ chị C số tiền thức ăn và vay là 14.060.000 đồng. Từ đó, cho thấy bà L thừa nhận nghĩa vụ của mình đối với bà C. Căn cứ Điều 92 BLTTDS, đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh.

Do đó, việc bà C khởi kiện yêu cầu bà Mã Thị L có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền nợ gốc 12.000.000 đồng và số tiền nợ mua thức ăn là 2.060.000 đồng là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi đối với các khoản nợ trên

[4.1] Đối với số tiền vay 12.000.000 đồng bà C yêu cầu tính từ 27/3/2015 cho đến thời điểm xét xử, lãi suất 0,83%/tháng. Xét thấy bà C yêu cầu tính lãi suất như trên là phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ khoản 5, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 BLDS. Lãi suất được tính từ ngày 27/03/2015 cho đến thời điểm xét xử là ngày 16/8/2024 là 9 năm 04 tháng 23 ngày x 0,83%/tháng x 12.000.000 đồng là 11.231.560 đồng

[4.2] Đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán 2.060.000 đồng, bà C yêu cầu tính từ 06/8/2017 cho đến thời điểm xét xử, lãi suất 0,83%/tháng/2.060.000 đồng. Xét thấy bà C yêu cầu tính lãi suất như trên là phù hợp với quy định pháp luật. Căn cứ khoản 3, Điều 440 và khoản 1 Điều 357; khoản 1 Điều 468 BLDS. Lãi suất được tính từ ngày 06/8/2017 cho đến thời điểm xét xử là ngày 16/8/2024 là 07 năm 0 tháng 10 ngày x 0,83%/tháng x 2.060.000 đồng là 1.447.700 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với bà Mã Thị L.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng là đúng; ý kiến về việc giải quyết vụ án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như đã phân tích ở trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát về yêu cầu trả số tiền thức ăn thức ăn chăn nuôi còn thiếu và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[7] Về án phí: Bà Mã Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 93; Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, khoản 2 Điều 357, Điều 440 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Cẩm C1 đối với bà Mã Thị L

2. Buộc bà Mã Thị L có trách nhiệm trả cho bà Trần Cẩm T1 trả số tiền 26.739.260 đồng (Trong đó: nợ gốc 14.060.000 đồng và tiền lãi 12.679.260 đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với số tiền vay 8.000.000 đồng

4. Về án phí dân sự có giá ngạch: Bà Trần Thị Chân k phải chịu; bà Trần Thị C đã dự nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006727 ngày 26 tháng 3 năm 2024 số tiền 1.004.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

Bà Mã Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.336.963 đồng.

5. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phước Long;
- THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Thanh Liêm